

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGỮ VĂN LỚP 7

HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022-2023

A. TRI THỨC NGỮ VĂN

I. KIẾN THỨC VỀ TRUYỆN

1. Truyện ngụ ngôn

- Khái niệm: Truyện ngụ ngôn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.

- Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn

- Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng văn xuôi hoặc thơ.

- Nhân vật ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hóa.

- Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.

2. Truyện khoa học viễn tưởng

- Truyện khoa học viễn tưởng là loại tác phẩm viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán, thường có tính chất kì lạ. Truyện khoa học viễn tưởng sử dụng cách viết logic nhằm triển khai những ý tưởng về viễn cảnh hay công nghệ tương lai. Vì có nền tảng là các nguyên lí khoa học mới của thời hiện tại nên có những giả tưởng trong truyện khoa học viễn tưởng có thể trở thành sự thật. Truyện khoa học viễn tưởng xuất hiện đầu tiên ở Pháp vào khoảng nửa sau thế kỉ XIX, sau đó nhanh chóng lan rộng ra các nước như Mỹ, Anh, Ca-na-đa, Nga và phổ biến trên thế giới

- Một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: Đề tài, Không gian, Cốt truyện, Nhân vật.

II. TỤC NGỮ

- Khái niệm: Tục ngữ thuộc loại sáng tác ngôn từ dân gian, là những câu nói ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần điệu, đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống

III. VĂN NGHỊ LUẬN

- Mọi vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học,... đều có thể được nêu ra để bàn trong văn bản nghị luận. Văn bản nghị luận có giá trị phải chọn được vấn đề

đáng quan tâm, có ý nghĩa với nhiều người. Trước một vấn đề, có thể có nhiều ý kiến khác nhau.

- Văn bản nghị luận bao giờ cũng thể hiện ý kiến của người viết. Sức thuyết phục của ý kiến phụ thuộc vào việc dùng lí lẽ và bằng chứng. Mỗi ý kiến thường được làm rõ bằng một số lí lẽ, mỗi lí lẽ được củng cố bởi một số bằng chứng. Ý kiến cần mới mẻ, lí lẽ cần sắc bén, bằng chứng cần xác thực, tiêu biểu, và tất cả những yếu tố đó phải có mối liên hệ với nhau, tạo thành một hệ thống chặt chẽ.

IV. VĂN BẢN THÔNG TIN

- Văn bản thông tin là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, thuật lại các sự kiện, giới thiệu các danh lam thắng cảnh, hướng dẫn các quy trình thực hiện một công việc nào đó, ...

- Có nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin khác nhau cho một văn bản thông tin. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả khá quen thuộc, các tác giả cũng thường chọn cách đưa ra liên tiếp nhiều góc nhìn khác nhau về sự vật, hiện tượng để độc giả nhận thấy được tính phức tạp của vấn đề được đề cập. Cũng có khi người viết lần lượt trình bày về từng bộ phận của đối tượng muốn nói đến trước khi đưa ra một thông tin hay quan điểm nhìn nhận thông tin mang tính bao trùm.

- Việc chọn cách triển khai ý tưởng và thông tin luôn phụ thuộc vào đặc điểm của đối tượng được nói tới, vào mục đích viết và hiệu quả tác động đến người đọc.

V. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (vận dụng đọc hiểu)

1. Thành ngữ

- Khái niệm: Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.

2. Nói quá

- Khái niệm: Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại tính chất, mức độ, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng ức biểu cảm hoặc gây cười

- Phân biệt nói quá và nói khoác.

3. Mạch lạc và liên kết trong văn bản

- Mạch lạc là sự liên mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản, chủ yếu dựa trên sự thống nhất về đề tài và sự tiếp nối theo một trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.

- Liên kết là quan hệ chặt chẽ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản, thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ :

- Phép nối (từ ngữ nối: nhưng, tuy nhiên, mặc dù, bên cạnh đó...)
- Phép thế (đại từ, từ ngữ đồng nghĩa)
- Phép lặp (lặp lại từ ngữ đã có trong câu trước, đoạn trước)

4. Dấu chấm lửng

Dấu chấm lửng thường được dùng để tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết, thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng, làm giãn nhịp điệu của câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ có sắc thái hài hước, châm biếm.

5. Thuật ngữ

- Thuật ngữ là từ ngữ dùng để nêu các khái niệm của một số lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học.

- Nghĩa của thuật ngữ là nghĩa quy ước trong phạm vi hẹp của lĩnh vực chuyên môn hoặc khoa học chuyên ngành.

- Nhờ sử dụng chính xác và hợp lí các thuật ngữ, văn bản có được tính chuyên môn cao và cách biểu đạt hàm súc, tạo thuận lợi cho những cuộc trao đổi, thảo luận bổ ích xung quanh nội dung của văn bản.

6. Cước chú

- Cước chú là loại chú thích đặt ở chân trang hoặc cuối văn bản về một từ ngữ khó hiểu hay một nội dung chưa quen với phần lớn độc giả, vốn xuất hiện trong phần chính của trang hoặc của văn bản. Loại chú thích cho biết văn bản hay một số yếu tố của văn bản được lấy từ nguồn nào cũng được gọi là cước chú.

- Cước chú xuất hiện rất nhiều trong các văn bản thông tin (nhất là văn bản khoa học), văn bản nghị luận và văn bản văn học cổ được đời sau in lại.

- Nhờ cước chú, người đọc có thêm điều kiện để nắm bắt được một cách chính xác những thông tin, thông điệp, ý nghĩa của văn bản.

7. Tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo là những tài liệu mà người tạo lập văn bản tìm đọc và khai thác các thông tin cần thiết, có liên quan tới vấn đề được trình bày trong văn bản.

- Tài liệu tham khảo thường được ghi sau phần kết thúc của văn bản, có thể có nhiều đơn vị, được đánh số và sắp xếp theo một quy ước thống nhất.
- Thông qua danh mục tài liệu tham khảo được tác giả ghi lại, người đọc có thể có được những nhận định bước đầu về độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản.

B. PHẦN VIẾT

I. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành)

1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành):

- Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.
- Trình bày được sự tán thành đối với ý kiến cần bàn luận
- Đưa ra những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành đó là có căn cứ.

2. Dàn ý của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành):

- Mở bài: Nêu vấn đề đời sống cần bàn và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó
- Thân bài:
 - + Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận
 - + Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:
 - Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)
 - Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)
 - Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)
 -
- Kết bài: khẳng định tính xác đáng của ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.

II. Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.

1. Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.

- Giới thiệu được nhân vật và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó.
- Kể được sự việc theo một trình tự hợp lí, sử dụng các yếu tố miêu tả khi kể.

2. Dàn ý của bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.

- Mở bài:
 - + Giới thiệu đôi nét về nhân vật.

- + Giới thiệu sự việc liên quan đến nhân vật.
- Thân bài:
- + Kể diễn biến của sự việc. Lưu ý sử dụng yếu tố miêu tả.
- + Nêu ý nghĩa của sự việc.
- Kết bài: Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.

III. Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (Trình bày ý kiến phản đối)

1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, cách hiểu khác về một vấn đề trong đời sống:

- Nêu được vấn đề, làm rõ thực chất của vấn đề.
- Trình bày rõ ràng ý kiến phản đối của người viết về một quan niệm, cách hiểu khác.

2. Bộ cục bài viết cần đảm bảo:

a. Mở bài: Nêu được vấn đề cần nghị luận và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận về vấn đề.

b. Thân bài:

- Ý 1 trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận
- Ý 2 phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng)
- Ý 3 nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng)

c. Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.

IV. Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

1. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).
- Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động, nêu rõ trình tự các bước cần thực hiện trong trò chơi hay hoạt động đó.
- Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người.
- Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động.

2. Dàn ý bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

a) Mở bài

- Giới thiệu về trò chơi dân gian bạn sẽ thuyết minh: kéo co, ô ăn quan, nhảy dây, trốn tìm,...

b) Thân bài

* Giải thích khái niệm:

- Trò chơi dân gian là những hoạt động vui chơi giải trí do quần chúng nhân dân sáng tạo ra và được lưu truyền tự nhiên qua nhiều thế hệ, phản ánh đời sống tinh thần, văn hóa của dân tộc.

- Trò chơi dân gian là hình thức sinh hoạt cộng đồng được nhân dân tiếp cận và gắn bó nhiều nhất, diễn ra mọi lúc, mọi nơi, không hạn định về mặt thời gian, không gian.

* Thuyết minh về một trò chơi cụ thể

- Tìm hiểu về nguồn gốc của trò chơi:

- Trò chơi ra đời khi nào, lấy cảm hứng từ đâu?

- Ngày nay trò chơi có còn phổ biến không hay được lưu giữ tại bảo tàng?

- Nêu những đặc điểm đặc trưng của trò chơi:

+ Số lượng người chơi

+ Độ tuổi thường chơi

+ Thời gian chuẩn bị

+ Thời gian chơi

+ Các kỹ năng cần thiết

- Các dịp tổ chức trò chơi (lễ hội, thi đấu...)

- Đối tượng tham gia trò chơi: độ tuổi, giới tính, ...

- Giới thiệu về cách thức chơi và luật chơi

- Ý nghĩa của trò chơi dân gian:

+ Giải trí, tạo niềm vui cho con người

+ Là nét văn hóa truyền thống của dân tộc.

c) Kết bài

- Khẳng định lại ý nghĩa của trò chơi dân gian trong đời sống tinh thần của con người.

MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ 1

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm).

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

LỄ HỘI ĐỀN HÙNG

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch, việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3).

Đền Hùng nằm ở trên núi Nghĩa Linh, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là nơi hằng năm thường xuyên diễn ra lễ hội mang tính chất quốc gia để suy tôn các vua Hùng là người đã có công dựng nước.

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày 10 tháng 3 âm lịch. Việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3), bắt đầu bằng lễ dâng hương có đại diện của nhà nước, tại đền Thượng là nơi xưa kia vua Hùng tế trời đất. Đồ tế lễ ngoài mâm ngũ quả còn có bánh chưng, bánh giày để nhắc lại sự tích Lang Liêu, cũng là nhắc nhở công đức các vua Hùng đã dạy dân trồng lúa.

Phân rước, có nhiều cuộc rước thần, rước voi, rước kiệu, ... của các làng Tiên Cương, Hy Cương, Phượng Giao, Cổ Tích,

Sau tế lễ còn có múa hát xoan (ở đền Thượng), hát ca trù (ở đền Hạ) và nhiều trò chơi khác.

Hội đền Hùng không chỉ thu hút khách thập phương đến dự lễ bởi những nét sinh hoạt văn hoá đặc sắc mà còn ở tính thiêng liêng của một cuộc hành hương trở về cội nguồn dân tộc của các thế hệ người Việt Nam. Đến hội, mỗi người đều biểu hiện một tình thương yêu, lòng ngưỡng mộ về quê cha đất tổ. Đây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu.

Lễ hội đền Hùng | Cổng Thông Tin Điện Tử Phú Thọ

(phutho.gov.vn)

Trả lời từ câu 1 đến câu 8 bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

Câu 1: Em hãy cho biết văn bản “Lễ hội đền Hùng” thuộc loại văn bản nào?

A. Văn bản biểu cảm

- B. Văn bản nghị luận
- C. Văn bản thông tin
- D. Văn bản tự sự

Câu 2: Văn bản “Lễ hội đền Hùng” cung cấp được những thông tin cơ bản nào?

- A. Thời gian, địa điểm, phần lễ - hội, ý nghĩa
- B. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần lễ
- C. Nguồn gốc, chuẩn bị, địa điểm, ý nghĩa
- D. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần hội

Câu 3: Đền Hùng nằm ở tỉnh nào?

- A. Nam Định
- B. Phú Thọ
- C. Bắc Giang
- D. Thái Bình

Câu 4: Lễ hội đền Hùng nhắc đến ngành nghề nào của nước ta?

- A. Công nghiệp
- B. Thương nghiệp
- C. Nông nghiệp
- D. Lâm nghiệp

Câu 5: Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau: “Đây là **một** tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu”.

- A. Số từ biểu thị số lượng chính xác
- B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng
- C. Số từ biểu thị số thứ tự
- D. Số từ biểu thị số lượng

Câu 6: Sự tích nào sau đây liên quan đến lễ hội đền Hùng?

- A. Sự tích “Bánh chưng, bánh giày”
- B. Sự tích “Cây lúa”
- C. Sự tích “Quả dưa hấu”
- D. Sự tích “Trầu cau”

Câu 7: “Lễ hội đền Hùng” nhắc đến truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc Việt Nam ta?

- A. Tương thân tương ái
- B. Uống nước nhớ nguồn
- C. Tôn sư trọng đạo
- D. Lá lành đùm lá rách

Câu 8: Lễ hội đền Hùng, gợi cho em nhớ đến bài ca dao nào?

- 1. Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.
- 2. Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
- C. Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba.
- 4. Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Em hãy thực hiện yêu cầu:

Câu 9: Theo em, lễ hội đền Hùng có ý nghĩa gì trong cuộc sống của người Việt Nam ta?

Câu 10: Em hãy nêu 02 việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn đối với những người đã có công dựng nước và giữ nước?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: Sách là người bạn lớn của con người. Hãy viết bài văn thể hiện sự đồng tình của em với ý kiến trên.

ĐỀ 2

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm).

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Như chúng ta đã biết, việc sử dụng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường bởi đặc tính không phân huỷ của pla-xtíc. Hiện nay ở Việt Nam mỗi ngày thải ra hàng triệu bao bì ni lông, một phần được thu gom, phần lớn bị vứt bừa bãi khắp nơi công cộng, ao hồ, sông ngòi.

Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra, đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

(Trích “ Thông tin về ngày trái đất năm 2000 ” – Sở KH-CN Hà Nội)

Trả lời từ câu 1 đến câu 8 bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

Câu 1. Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

1. Tự sự
2. Biểu cảm
3. Thuyết minh
4. Miêu tả

Câu 2. Đoạn trích trên giới thiệu với người đọc về nội dung gì?

1. Tác hại của bao bì ni lông đối với môi trường, sức khoẻ cũng như tính mạng của con người.
2. Bao bì ni lông có ảnh hưởng tới con người.
3. Bao bì ni lông bị vứt bừa bãi ra môi trường.
4. Việc sử dụng bao bì ni lông hiện nay của con người.

Câu 3. Thuật ngữ “ca-đi-mi” là thuật ngữ thuộc lĩnh vực nào?

1. Địa lí
2. Lịch sử
3. Văn học

4. Hóa học

Câu 4. Cụm từ “bao bì ni lông” trong 2 đoạn văn trên được sử dụng phép liên kết gì?

1. Phép thế

C. Phép nối

2. Phép lặp

D. Dùng từ đồng nghĩa

Câu 5. Bao bì ni lông có đặc tính gì?

1. Không phân huỷ của pla-xtíc

2. Dễ phân huỷ

3. Phân huỷ một phần

4. Phân huỷ hoàn toàn

Câu 6. Câu văn “*Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.*” sử dụng biện pháp tu từ gì?

1. So sánh

2. Nhân hóa

3. Ẩn dụ

4. Liệt kê

Câu 7. Từ “*pla-xtíc*” trong câu văn sau có nghĩa là gì? “*...việc sử dụng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường bởi đặc tính không phân huỷ của pla-xtíc*”.

1. Chất dẻo gọi chung là nhựa, là những vật liệu tổng hợp gồm các phân tử lớn gọi là Pô-li-me.

2. Là chất độc màu da cam

3. Là kim loại màu bạc trắng

4. Là chất khí không màu, không mùi, bất cháy và có độc tính cao

Câu 8: Nối thông tin ở cột A với cột B cho phù hợp.

1. Hiện tượng	2. Những tác hại của bao bì ni lông
a. Bao bì ni lông lẫn vào đất vào đất	1. làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống

	<i>rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh.</i>
b. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống	2. làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi
c. Bao bì ni lông trôi ra biển	3. làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi.
d. Bao bì ni lông màu đựng thực phẩm	4. làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải.

Em hãy thực hiện yêu cầu:

Câu 9: Thông điệp mà đoạn trích trên gửi đến chúng ta là gì?

Câu 10. Bản thân em đã làm gì để hạn chế sử dụng bao bì ni lông?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Chỉ cần học những môn yêu thích còn những môn khác mình có thể bỏ qua.

ĐỀ 3

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm).

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

HAI BIỂN HỒ

Người ta bảo ở bên Pa-le-xtin có hai biển hồ... Biển hồ thứ nhất gọi là biển Chết. Đúng như tên gọi, không có sự sống nào bên trong cũng như xung quanh biển hồ này. Nước trong hồ không có một loại cá nào có thể sống nổi. Ai cũng đều không muốn sống gần đó. Biển hồ thứ hai là Ga-li-lê. Đây là biển hồ thu hút nhiều khách du lịch nhất. Nước ở biển hồ lúc nào cũng trong xanh mát rượi, người có thể uống được mà cá

cũng sống được. Nhà cửa được xây cất rất nhiều ở đây. Vườn cây xung quanh tốt tươi nhờ nguồn nước này.

Nhưng điều kì lạ là cả hai biển hồ này đều được đón nhận nguồn nước từ sông Gioóc-đăng. Nước sông Gioóc-đăng chảy vào biển Chết. Biển Chết đón nhận và giữ riêng cho mình mà không chia sẻ nên nước trong biển Chết trở nên mặn chát. Biển hồ Ga-li-lê cũng đón nhận nguồn nước từ sông Gioóc-đăng rồi từ đó tràn qua các hồ nhỏ và sông lạch, nhờ vậy nước trong hồ này luôn sạch và mang lại sự sống cho cây cối, muông thú, con người.

Một định lí trong cuộc sống mà ai cũng đồng tình: Một ánh lửa sẻ chia là một ánh lửa lan toả, một đồng tiền kinh doanh là một đồng tiền sinh lợi. Đôi môi có hé mở mới thu nhận được nụ cười. Bàn tay có mở rộng trao ban, tâm hồn mới tràn ngập vui sướng.

Thật bất hạnh cho ai cả đời chỉ biết giữ cho riêng mình. "Sự sống" trong họ rồi cũng sẽ chết dần chết mòn như nước trong lòng biển Chết...

(Theo Quà tặng của cuộc sống)

Trả lời từ câu 1 đến câu 8 bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

Câu 1. Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nào?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 2. Mục đích chính của văn bản là gì?

- A. Kể câu chuyện về hai biển hồ
B. Giới thiệu về những biển hồ nổi tiếng trên thế giới
C. Bộc lộ cảm xúc của tác giả về sự sống và cái chết
D. Bàn luận về những cách sống trong xã hội

Câu 3. Văn bản trên đề cập đến vấn đề gì trong cuộc sống?

- A. Đoàn kết là sức mạnh
B. Uống nước nhớ nguồn
C. Vô cảm và nhân ái
D. Cho và nhận

Câu 4. Câu văn nào thể hiện rõ nhất quan điểm của tác giả trong văn bản?

A. Nhưng điều kì lạ là cả hai biển hồ này đều được đón nhận nguồn nước từ sông Gioóc-đăng.

B. Biển Chết đón nhận và giữ riêng cho mình mà không chia sẻ nên nước trong biển Chết trở nên mặn chát.

C. Bàn tay có mở rộng trao ban, tâm hồn mới tràn ngập vui sướng.

D. Thật bất hạnh cho ai cả đời chỉ biết giữ cho riêng mình.

Câu 5. Dòng nào sau đây nêu không đúng về đặc sắc nghệ thuật của văn bản?

A. Sử dụng câu chuyện để dẫn dắt vấn đề

B. Sử dụng các dẫn chứng thực tế sinh động

C. Sử dụng lối nói ẩn dụ giàu sắc thái biểu cảm

D. Ngôn ngữ trang trọng có tính phóng đại

Câu 6. Trong hai câu sau có mấy số từ ?

Người ta bảo ở bên Pa-le-xtìn có hai biển hồ... Biển hồ thứ nhất gọi là biển Chết.

A. Một

B. Hai

C. Ba

D. Bốn

Câu 7. Hình ảnh biển Ga-li-lê tượng trưng cho điều gì?

A. Sự sẻ chia và lan toả

B. Niềm hạnh phúc của người nhận

C. Lối sống ích kỉ, chỉ giữ lại cho riêng mình

D. Cách sống khiêm nhường, giản dị

Câu 8. Dấu chấm lửng cuối văn bản có công dụng gì?

"Sự sống" trong họ rồi cũng sẽ chết dần chết mòn như nước trong lòng biển Chết...

A. Thể hiện chỗ lời nói ngập ngừng, ngắt quãng

B. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ

C. Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết

D. Câu văn bỏ dở, thể hiện thông điệp mở của tác giả muốn gửi đến mọi người với những suy ngẫm sâu xa.

Em hãy thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Hãy rút ra bài học sau khi đọc văn bản?

Câu 10. Em có đồng tình với quan điểm sống của tác giả được nêu trong đoạn trích? Vì sao?

II. VIẾT(4.0 điểm)

Viết một bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ của một trò chơi dân gian mà em yêu thích.

ĐỀ 4

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm).

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Đặng Thuỳ Trâm từng viết: "Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố". Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình. Có thể nói, thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.

Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời. Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

(Theo Trần Thị Cẩm Quyên, in trong Văn học và tuổi trẻ, viên nghiên cứu sách và học liệu giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 11 -2021)

Trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 8 bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

Câu 1. Văn bản trên được viết theo phương thức biểu đạt nào ?

- | | |
|--------------|--------------|
| 1. Tự sự | B. Nghị luận |
| 2. Miêu tả.. | D Biểu cảm |
| D | |

Câu 2. Theo tác giả, tại sao Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại?

A. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình.

B. Bởi thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.

C. Bởi thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Bởi cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công

Câu 3. Theo em, đâu là câu văn mang luận điểm trong đoạn văn thứ 2?

A. Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng.

B. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công.

C. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

Câu 4. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu: “Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công”.

A. Ẩn dụ, so sánh

B. So sánh, liệt kê

C. So sánh, điệp ngữ

D. So sánh, nhân hoá

Câu 5. Từ “thành công” trong đoạn văn trên được hiểu như thế nào?

A. Những điều tốt đẹp đang chờ phía trước.

B. Điều mình mong muốn đạt được.

C. Những điều có ích cho cuộc sống.

D. Đạt được kết quả, mục đích như dự định.

Câu 6. Đoạn văn sau sử dụng phép liên kết nào?

“Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc”.

- A. Phép lặp
- B. Phép liên tưởng
- C. Phép thế
- D. Phép nói

Câu 7. Dấu ngoặc kép trong câu sau có công dụng gì?

Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”.

- A. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp
- B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt
- C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo hàm nghĩa mỉa mai
- D. Đánh dấu tên tác phẩm

Câu 8. Đoạn trích trên gợi cho em nhớ đến câu tục ngữ nào?

- A. Đoàn kết là sức mạnh.
- B. Thất bại là mẹ thành công.
- C. Thất bại là thầy của chúng ta.
- D. Đừng sợ thất bại.

Em hãy thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Em có tán thành với quan điểm của tác giả trong đoạn trích trên không? Vì sao?

Câu 10. Từ đoạn trích trên, em có suy nghĩ gì về thái độ sống của thế hệ các bạn trẻ ngày nay khi đứng trước những khó khăn và thất bại?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề bạo lực học đường hiện nay.